

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/KDTM-PT

Ngày: 21/5/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê
thiết bị xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : ***Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh***

Các thẩm phán: ***Bà Chu Thị Nga***

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Thư ký phiên tòa: ***Bà Đoàn Phương Thảo*** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: ***Bà***

Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên

Trong các ngày 16/4, 15/5 và 21/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 103/2017/TLPT- KDTM ngày 30/10/2017, về việc: “Tranh chấp hợp đồng thuê thiết bị xây dựng”. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2018/QĐXX-PT ngày 17/01/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐ-PT ngày 30/01/2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 144/2018/QĐPT-KDTM ngày 16/04/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Thiết bị Xây dựng TĐ

Trụ sở: Số 41, TQC, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: ***Ông Quách Văn Đ.*** Chức vụ: Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Lê Đình V** - Sinh 1978; **Bà Lê Hồng A** sinh 1994

Địa chỉ: Công ty TNHH MT, tầng 4, Tòa nhà HT, số 102, phố TT, phường TL, quận DD, thành phố Hà Nội.

(Giấy ủy quyền số 18/2017/UQ, ngày 23/6/2017)

Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại D

Trụ sở cũ: Số 2, phố LTT, phường PCT, quận HK, thành phố Hà Nội.

Trụ sở mới: Số 18, đường TNP, phường PLB, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Nguyễn Xuân H** - Chức vụ: Giám đốc công ty

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Vũ Văn D** - Sinh 1970

Địa chỉ: Số 29, tổ 4, phường PD, quận BTL, thành phố Hà Nội (Nay là số 73 đường PD, quận BTL, thành phố Hà Nội)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 08/9/2010, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ TĐ (Đã thay đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Thiết bị Xây dựng TĐ - Gọi là Công ty TĐ) có ký kết Hợp đồng thuê thiết bị xây dựng số 01-HĐKT-VINATEXCONTRA với Công ty TNHH Xây dựng và D (gọi là Công ty D). Nội dung hợp đồng thể hiện việc Công ty TĐ cho Công ty D thuê thiết bị xây dựng để phục vụ cho công trình Trung tâm thương mại và dịch vụ giải trí Đà Lạt tại số 37, THĐ, phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với số tiền cho thuê tạm tính là 45.084.600đ/tháng và sẽ được thanh toán trong vòng 7 đến 10 ngày kể từ ngày nhận được Bảng đề nghị thanh toán và hóa đơn giá trị gia tăng. Nếu quá thời hạn thanh toán nêu trên thì phải chịu phạt mức 0,05%/ngày trên số tiền thuế VAT theo hóa đơn đã xuất. Hình thức thanh toán là tiền mặt hoặc chuyển khoản. Ngay sau khi ký hợp đồng, Công ty TĐ đặt cọc 81.972.000đ, số tiền này sẽ được hoàn trả sau khi bên thuê trả đủ số lượng thiết bị và thanh toán đầy đủ tiền thuê.

Thực hiện hợp đồng, Công ty TĐ đã cung cấp đầy đủ số lượng, chất lượng thiết bị xây dựng đúng thời hạn cho Công ty D như đơn đặt hàng yêu cầu nhưng Công ty D không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Ngày 31/8/2011

hai bên tiến hành đối chiếu công nợ đã xác nhận từ ngày 30/9/2010 đến 31/8/2011 Công ty D còn nợ Công ty TĐ 497.318.084đ.

Vì Công ty D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Công ty TĐ khởi kiện yêu cầu Công ty D phải trả các khoản tiền bao gồm:

- Tiền thuê thiết bị xây dựng đến ngày đối chiếu công nợ: 497.318.084đ
- Tiền thuê thiết bị xây dựng từ 01/9/2011 đến tháng 1/2013: 869.705.762đ.
- Tiền bồi thường thiết bị xây dựng bị mất (gồm cả VAT): 113.790.600đ

Tổng cộng: 1.480.814.446đ - 100.000.000đ (thanh toán thêm) - 81.972.000đ (đặt cọc). Số tiền Công ty D còn phải thanh toán là 1.298.842.356đ cùng tiền lãi phát sinh từ 16/10/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,3%/tháng.

Công ty D thừa nhận có ký kết và thuê thiết bị xây dựng của Công ty TĐ đúng như Phiếu giao hàng số 000015 ngày 14/9/2010 và không thừa nhận đã nhận số lượng thiết bị xây dựng được giao theo Phiếu giao hàng số 000022 ngày 16/9/2010 vì không có xác nhận của người nhận hàng do Bị đơn chỉ định như quy định tại khoản 2 của Hợp đồng thuê thiết bị vật tư.

Công ty D cho rằng phí thuê thiết bị đã nhận là 23.203.500đ/tháng đến ngày 12/11/2011 Công ty D chuyển tiền thanh toán lần cuối và sau đó không thanh toán tiếp. Theo quy định của Hợp đồng đã ký kết thì sau 2 tháng nếu không thanh toán, Công ty TĐ có quyền thu hồi thiết bị nhưng Công ty không đến mang thiết bị đi. Sau nhiều lần thương lượng, trao đổi đến ngày 24/10/2012 Công ty TĐ mới nhất trí *“ngay ngày hôm sau, Công ty TĐ sẽ có kế hoạch điều xe đến công trình lấy hàng ngay”*. Vì vậy thời gian thuê thiết bị thực tế chỉ từ ngày 14/9/2010 đến 25/10/2012 là 25 tháng. Tuy nhiên khi nhận lại thiết bị cho thuê, Công ty TĐ đã nhận thừa 220 tấm Panel và 982 xà gồ nên phải bồi thường cho Công ty D 70% giá trị của số thiết bị này là 136.220.000đ.

Tính đối trừ các khoản tiền đã thanh toán và đối trừ thiết bị nhận thừa, Công ty D chỉ xác nhận phải thanh toán cho Công ty TĐ 161.895.500đ.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm lần thứ nhất số 16/2014/KDTM-ST ngày 18/11/2014 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã xét xử và quyết định:

“Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ TĐ đối với bị đơn Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại D về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, lãi do chậm thanh toán và bồi thường tài sản bị mất theo Hợp đồng thuê thiết bị xây dựng số 01-HĐKT-VINATEXCONTRA ngày 08/9/2010.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại D thanh toán trả cho nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ TĐ số tiền nợ gốc thuê thiết bị xây dựng, tiền lãi do chậm thanh toán và tiền bồi thường tài sản bị mất là 1.530.288.863đ”.

Không đồng ý với bản án ngày 01/12/2014 Công ty D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Bản án phúc thẩm kinh doanh thương mại số 31/2015/KDTM-PT ngày 08/4/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với các lý do: Cấp sơ thẩm xác định sai người đại diện theo pháp luật của Bị đơn; Chưa tiến hành đối chất giữa các bên để xác định rõ số lượng hàng hóa Nguyên đơn giao cho Bị đơn; Chưa lấy lời khai của các ông Phan Thế H, ông Đỗ Thanh Đ, ông Bùi Hồng C là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng và xác lập các tài liệu còn mâu thuẫn; Cấp sơ thẩm căn cứ tổng số thiết bị xây dựng tại 02 phiếu giao hàng 000015 và 000022 để đối trừ đi số thiết bị thiếu hiện tại 2 phiếu nhận hàng 000101 và 000102 để xác định số lượng thiết bị xây dựng chênh lệch 1940 tấm Panel và 1795 cây xà gồ các loại mà Công ty D làm mất là không đúng”.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST (lần 2) của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã xét xử và quyết định:

“1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Thiết bị Xây dựng TĐ đối với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại D về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, lãi do chậm thanh toán, tiền bồi thường do thiết bị xây dựng cho thuê bị mất theo Hợp đồng thuê thiết bị xây dựng số 01-HĐKT-VINATEXCONTRA ngày 08/9/2010.

2. Buộc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại D thanh toán cho Công ty Cổ phần Thiết bị Xây dựng TĐ số tiền là 1.759.733.094đ

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại D đối với Công ty Cổ phần Thiết bị Xây dựng TĐ”.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, nghĩa vụ phải chịu án phí của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 21/8/2017 Công ty D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Ngày 24/8/2017 Công ty TĐ có đơn kháng cáo về cách tính thời gian thuê thiết bị, giá trị các loại xà gồ, giá trị thanh toán, cách tính lãi suất của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án có nội dung chính:

Đơn kháng cáo của Nguyên đơn và Bị đơn là hợp lệ. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý vụ án đúng thẩm quyền.

Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng qui định của phiên tòa phúc thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo qui định của Bộ luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo qui định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo về thời gian tính tiền thuê thiết bị xây dựng của Nguyên đơn là 27 tháng 11 ngày. Bác toàn bộ kháng cáo của Bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo của Công ty Cổ phần Thiết bị Xây dựng TĐ (Công ty TĐ) và Công ty TNHH

Xây dựng và D (Công ty D) làm và nộp trong thời hạn kháng cáo nên kháng cáo được chấp nhận.

Xét nội dung kháng cáo về cách tính thời gian thuê thiết bị xây dựng của Công ty TĐ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo quy định tại Điều III của Hợp đồng thuê thiết bị xây dựng thì: *“Thời gian thực hiện Hợp đồng được tính từ ngày bên B nhận hàng của bên A cho đến khi bên B trả hết hàng cho bên A (căn cứ theo phiếu giao nhận do bên A phát hành và được người đại diện hoặc người giao nhận hàng của 2 bên xác nhận”*. Theo phiếu giao hàng số 000015 thể hiện ngày giao là 14/9/2010 và phiếu giao số 000022 ngày giao 16/9/2010, phiếu nhận hàng số 000101 không thể hiện ngày nhận, phiếu số 000102 ngày nhận là 12/1/2013. Như vậy theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thì phải tính thời gian thuê theo phiếu giao nhận hàng. Bên cạnh đó Công văn số 32/CV-VNCo ngày 16/10/2012 của Công ty D gửi Công ty TĐ có nội dung *“Do nguyên nhân khách quan nên việc thi công công trình tại Đà Lạt vẫn chưa được triển khai lại nên công ty chúng tôi xin trả lại toàn bộ thiết bị xây dựng đã thuê...”*. Việc này thể hiện Công ty D (Bên B) ngừng hợp đồng và phù hợp với Điều VI của hợp đồng quy định trách nhiệm của các bên *“Trường hợp bên B ngưng hợp đồng, Bên B phải trả hàng cho Bên A trong vòng 3 ngày”*. Do Công ty D vi phạm hợp đồng về thời gian trả hàng thuê nên Công ty TĐ tính thời gian thuê từ 14/9/2010 đến 12/1/2013 là 27 tháng 11 ngày là có cơ sở. Vì vậy, kháng cáo về thời gian thuê có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên giữa Công ty TĐ và Công ty D chỉ thống nhất được số lượng thiết bị xây dựng đã bàn giao theo phiếu giao hàng số 00015 ngày 14/9/2010 và tranh chấp về phiếu giao hàng số 00022 ngày 16/9/2010 (D không thừa nhận đã nhận hàng theo phiếu giao hàng số 00022).

Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Điều II của Hợp đồng thuê thiết bị xây dựng giữa Bên A (Công ty TĐ) và Bên B (Công ty D) đã quy định về phương thức giao hàng đã ghi rõ: *“Căn cứ từng đơn đặt hàng của Bên B và từng đơn đặt hàng này phải có sự xác nhận chấp nhận của Bên A”* thì Công ty T mới giao chủng loại, số lượng Panel, xà gồ cho Công ty D; Địa điểm giao hàng cho thuê là tại Công trình

nơi Công ty D đang thi công: “số 37, THĐ, phường 10, thành phố Đà Lạt”; Người được Công ty TĐ “*Bên A ủy nhiệm giao nhận hàng là tài xế và theo thực tế của từng chuyến xe*”; Người được chỉ định nhận hàng của Công ty D là ông Đỗ Thanh Đ và ông Lê Viết B.

Kiểm tra với Phiếu giao hàng số 00022 thì tên người nhận hàng là Phan Thế H, địa điểm giao hàng lại là tại ***kho hàng của Công ty TĐ*** (không phải địa điểm các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng). Nguyên đơn cho rằng người nhận hàng (Phan Thế H) là người của Công ty D và xuất trình 1 giấy ủy quyền của ông Đỗ Thanh Đ (D) cho ông H nhận hàng thay. Tuy nhiên ông Đỗ Thanh Đ lại có lời khai ông không quen biết và không ủy quyền cho ông Phan Thế H nhận hàng hộ mình mà chỉ viết giấy ủy quyền theo yêu cầu của Công ty TĐ, còn lý do cụ thể thì ông không biết.

Việc Bị đơn không thừa nhận Phiếu giao hàng số 00022 và có sự khác biệt về địa điểm giao hàng không được cấp sơ thẩm làm rõ, không cho các bên đối chất và cũng không yêu cầu Nguyên đơn phải xuất trình Đơn đặt hàng đối với số lượng, chủng loại hàng hóa Công ty D gửi cho TĐ và được TĐ thực hiện việc giao hàng và cũng không làm rõ căn cứ nào TĐ lại giao hàng theo Phiếu 00022 tại kho của mình (thành phố Hồ Chí Minh) cách địa điểm đã thỏa thuận hơn 300km? Đối với việc ông Đỗ Thanh Đ khai viết giấy ủy quyền theo yêu cầu của TĐ nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ cụ thể ai là người yêu cầu ông Đ viết, thời gian viết, hoàn cảnh viết giấy ủy quyền và nếu cần thiết phải tiến hành cho đối chất giữa ông Đ với người đã yêu cầu ông Đ viết giấy ủy quyền này.

Cấp sơ thẩm cho rằng mặc dù không thừa nhận Phiếu giao hàng số 00022 nhưng Công ty D giao trả cho TĐ số Panel, xà gồ thừa rất nhiều so với Phiếu giao hàng số 00015 nhưng phía Bị đơn cho rằng số lượng hàng trả thừa cho TĐ gồm cả thiết bị đã thuê của 5 Công ty khác để cùng phục vụ cho công trình xây dựng tại 37, THĐ, Đà Lạt nhưng tại hồ sơ chỉ có 1 Hợp đồng thuê thiết bị của Công ty D ở Công ty HĐ. Vì vậy, phải yêu cầu Công ty D xuất trình các hợp đồng thuê thiết bị xây dựng của các công ty khác để đối chiếu để đánh giá chứng cứ và có hay không

có cơ sở chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn về yêu cầu Nguyên đơn phải bồi thường giá trị thiết bị Nguyên đơn đã nhận thừa.

Cấp sơ thẩm căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ không ghi ngày, tháng của năm 2012 phục vụ cho việc sát nhập doanh nghiệp tại thời điểm 30/6/2012 có chữ ký của ông Hàn Ngọc L (Giám đốc D) để cho rằng Bị đơn đã thừa nhận số nợ đúng như TĐ xuất hóa đơn kê khai thuế là 597.318.084đ. Tuy nhiên nghiên cứu kỹ Biên bản đối chiếu này thì chỉ có 1 bên là Công ty D lập và ký, không có chữ ký của người đại diện của Công ty TĐ vì vậy không thể hiện ý chí của TĐ. Bản đối chiếu nêu trên ghi “Giá trị khối lượng đã xuất hóa đơn: 597.318.084đ” chứ không khẳng định số nợ trong hóa đơn đã xuất.

Trong suốt quá trình giải quyết xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm Bị đơn đều phản đối việc Nguyên đơn vi phạm Điều IV của Hợp đồng thuê thiết bị về quy trình lập và kê khai Bảng tính tiền thuê hàng tháng và cho rằng Nguyên đơn cố tình đưa Bị đơn vào tình thế đã nhận và không thể đàm phán hủy hóa đơn giá trị gia tăng theo luật bởi từ ngày 31/8/2011 đến ngày 08/9/2011 (04 ngày làm việc) dù chưa hết 7 ngày để Bị đơn có phản hồi về sai sót nhưng Nguyên đơn đã liên tiếp xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho 8 tháng nhưng cấp sơ thẩm cũng không cho các đương sự đối chất để làm rõ những mâu thuẫn về số liệu mà đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là điều tra chưa đầy đủ.

Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về việc điều tra, thu thập chứng cứ không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm nên HĐXX thấy cần hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết vụ án theo hướng đã nhận định nêu trên để bảo đảm quyền lợi cho các đương sự là hợp lý.

Do hủy án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên:

Áp dụng Khoản 3 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

1. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án nêu trên cho Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

3. Về án phí: Hoàn trả Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ TĐ và Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại D mỗi bên 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số 02201 ngày 07/9/2017 và 02213 ngày 12/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSNDTP Hà Nội
- TAND quận Hoàn Kiếm
- Chi cục THA quận Hoàn Kiếm
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hạnh